QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 25/2026/QH16

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan hữu quan và ý kiến đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh, bền vững đất nước; phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân đạt từ 10%/năm trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, thuộc nhóm 30 nền kinh tế có quy mô GDP hàng đầu thế giới. Tạo lập thể chế phát triển hiện đại, bền vững; mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ; nâng cao tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chất lượng nguồn nhân lực; phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hoá và con người Việt Nam; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; xã hội dân chủ, công bằng, kỷ cương, an toàn; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân cả nước đạt từ 10%/năm trở lên được thể hiện tại Phụ lục I và Phụ lục II của Nghị quyết này.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng

Xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật và tăng cường kiểm tra, giám sát. Khẩn trương rà soát, đánh giá, có giải pháp điều chỉnh kịp thời định mức kinh tế - kỹ thuật đối với một số yếu tố như: vật liệu xây dựng, nhiên liệu, nhân công..., phù hợp với thực tế. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành, bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ "tốt trong văn bản" sang "tốt trong cuộc sống". Tiếp tục có giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách; tiếp tục tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực thực thi. Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; tăng cường tham vấn cộng đồng doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam vào nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới vào năm 2028.

Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, trong đó năm 2026 là năm "nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở"; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Trung ương - địa phương - doanh nghiệp - người dân; ban hành các chính sách đột phá bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

3.2. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế, tập trung phát triển năng lực sản xuất; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới. Xây dựng và hiện đại hoá nền công nghiệp quốc gia vững mạnh; tập trung nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như năng lượng, hạt nhân, cơ khí chế tạo, luyện kim, vận tải

đường sắt, đóng tàu, vật liệu mới, hoá chất, công nghệ số, sinh học, công nghiệp phụ trợ gắn với tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao; tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu đổi mới căn bản chính sách về hạn mức đất lúa theo hướng chuyển từ quy định cứng về diện tích tối thiểu sang quy định linh hoạt trong chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhưng phải quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi, tránh áp dụng tuỳ tiện, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị tăng cao. Đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển các mô hình kinh tế mới. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển. Xây dựng kinh tế cửa khẩu hiện đại, đẩy mạnh thương mại biên giới, gắn với hạ tầng công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tạo đột phá phát triển các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực quan trọng; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí. Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, khởi nghiệp; có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp lớn có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; đổi mới chính sách thu hút FDI theo hướng chuyển từ trọng tâm ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau - ưu đãi theo kết quả; chú trọng thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kết nối giữa khu vực FDI với khu vực trong nước; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài.

Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khoẻ, mua sắm hàng hoá. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước.

3.3. Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, linh hoạt giữa chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; nâng cao năng lực dự báo, chủ động phòng ngừa, kiên quyết không để xảy ra khủng hoảng kinh tế trong mọi tình huống. Giao Chính phủ chủ động điều chỉnh các loại thuế, phí trong trường hợp khẩn cấp.

Ưu tiên phát triển thị trường vốn trong nước làm kênh huy động vốn dài hạn, giảm sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng. Triển khai các giải pháp để nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia, nâng hạng thị trường chứng khoán; ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do trong việc thu hút các dòng vốn đầu tư gián tiếp, các quỹ đầu tư quốc tế; phát triển đa dạng các loại hình nhà đầu tư tổ chức, các loại quỹ đầu tư, phát triển thị trường tín chỉ các-bon và các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại theo thông lệ quốc tế; điều chỉnh hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu của ngân hàng chính sách xã hội. Mở rộng tỉ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành, nghề không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng, đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo, nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống. Tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước từ các nguồn: Lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ, phát hành cổ phiếu, ngân sách nhà nước... theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; phát triển lành mạnh và đa dạng hoá các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể.

3.4. Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai hiệu quả Nghị quyết Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia trong và ngoài nước. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ nền tảng, công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ

số. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, gắn với định hướng ứng dụng, làm chủ về công nghệ, nhất là những lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế. Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn xã hội; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số. Khẩn trương xác định các chỉ tiêu, tiêu chí phản ánh hiệu quả phát triển khoa học, công nghệ, tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong tăng trưởng, phát triển kinh tế.

3.5. Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng; mang đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, hiện đại. Chú trọng phát huy hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, giải trí, dịch vụ văn hoá, các ngành kinh tế sáng tạo, kinh tế thể thao, công nghiệp sự kiện, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; gắn kết văn hoá với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị; phát huy giá trị văn hóa qua các hình thức sáng tạo để quảng bá hình ảnh quốc gia. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá và Nghị quyết Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đột phá về phát triển văn hóa Việt Nam. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá quốc gia gắn với xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Có chính sách nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp Nhân dân. Xây dựng hệ sinh thái văn hoá mang bản sắc Việt Nam, đa dạng, hiện đại, chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.6. Hiện đại hoá nền giáo dục quốc dân, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài

Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Đặt hàng các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp công nghệ tham gia đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường; đào tạo kỹ năng số, kỹ năng công nghệ cho lực lượng lao động. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất

cho học sinh. Hiện đại hoá giáo dục đại học, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngang tầm các nước tiên tiến; đưa giáo dục kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo vào hệ thống giáo dục quốc dân ngay từ chương trình giáo dục mầm non. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

3.7. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

Tập trung đầu tư các tuyến đường bộ cao tốc theo quy hoạch, các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không lớn, tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị; đến năm 2030 đưa vào sử dụng trên 5.000 km đường bộ cao tốc. Xây dựng các tuyến giao thông trọng yếu kết nối liên vùng, kết nối các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu quốc tế lớn. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuỷ nội địa có mật độ vận tải cao; phát triển hệ thống cảng thuỷ nội địa trên các hành lang vận tải thuỷ chính.

Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao, bảo đảm an ninh năng lượng; triển khai hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia; nghiên cứu phát triển nhiệt điện than quy mô hợp lý kèm theo lộ trình thu hồi, xử lý khí thải; đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Phát triển hạ tầng thuỷ lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tạo đột phá trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng số; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu lớn, trung tâm dữ liệu lớn. Phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá trọng điểm quốc gia mang tầm khu vực, quốc tế.

Hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu. Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá. Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại gắn với yêu cầu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khai thác hiệu quả không gian tầm thấp, không gian ngầm.

Rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách), quyết liệt xử lý dứt điểm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền về vướng mắc và sớm đề xuất phương án xử lý.

3.8. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân

Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân số và phát triển. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập, bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Khuyến khích làm giàu chính đáng, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu. Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; tập trung công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh; tăng cường quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển và Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tổ chức lại, nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại.

Bảo đảm mức sống của gia đình người có công; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

3.9. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm. Phát triển và vận hành hiệu quả các thị trường bất động sản, quyền sử dụng đất, khoáng sản, năng lượng. Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và tạo sinh kế ổn định cho người dân. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Xử lý cơ bản ô nhiễm không khí, tắc nghẽn giao thông, ngập úng tại một số thành phố lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và

khu vực nông thôn. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác thải. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, nhất là sinh thái rừng, sinh thái đất ngập nước, sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên. Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển.

3.10. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá

Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực...; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Xây dựng thế trận bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội rộng khắp, đa tầng trong hoạt động kinh tế; coi an ninh quốc gia là một động lực phát triển kinh tế, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế, công nghệ, năng lượng và chuỗi cung ứng.

Triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Tham gia chủ động, có trách nhiệm vào việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế. Chú trọng việc phân tích, đánh giá dự báo tình hình quốc tế, đề xuất các kịch bản ứng phó kịp thời, chủ động, phù hợp với các xu hướng, bối cảnh và trật tự mới, nhất là đối với các tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3.11. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số"; chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Xác định tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Bên cạnh việc tập trung các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng, cần đẩy mạnh các giải pháp nâng cao năng suất toàn nền kinh tế và quản lý chặt chẽ, ứng phó hiệu quả các rủi ro chiến lược.

Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội. Phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan thông tấn, báo chí trong việc tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

4. Tổ chức thực hiện

Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình hành động của nhiệm kỳ, kế hoạch cụ thể cho từng năm và tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết này.

Trong năm 2026, Chính phủ tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này; cuối năm 2028 báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết giữa nhiệm kỳ; chủ động ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có biến động và báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp vượt thẩm quyền.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát và động viên mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Quốc hội kêu gọi đồng bào, chiến sỹ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước, tự tin, tự lực, tự cường, tự chủ chiến lược, thực hiện thắng lợi các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030 GẮN VỚI THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU TĂNG TRƯỞNG "2 CON SỐ"

(Kèm theo Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030
I	**VỀ KINH TẾ**	
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	≥ 10,0
	Tăng trưởng bình quân khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	3,6
	Tăng trưởng bình quân khu vực công nghiệp - xây dựng (%)	12,3
	Trong đó: Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (%)	*12,4*
	Tăng trưởng bình quân khu vực dịch vụ (%)	9,5
2	GDP bình quân đầu người đến năm 2030 (USD)	8.500
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm (IIP) (%)	11 - 12
4	Tỉ lệ nội địa hóa một số ngành công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (%)	40 - 45
5	Chỉ số năng lực cạnh tranh công nghiệp (CIP) đến năm 2030	Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN
6	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đến năm 2030 (%)	28
7	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	2.400
8	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)	14 - 15
9	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (%)	15 - 16
	Trong đó: Nhóm nông, lâm, thuỷ sản	*10 - 12*
	Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo	*15 - 16*
	Nhóm nhiên liệu, khoáng sản	*4 - 5*
10	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (%)	12 - 13
11	Tăng trưởng bình quân doanh số thương mại điện tử (%)	23 - 25
12	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa (%)	10
13	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam đến năm 2030 (triệu lượt)	45 - 50
14	Phấn đấu đến năm 2028, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam	Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và 30 quốc gia hàng đầu thế giới
15	Chỉ số về sức mạnh mềm toàn cầu (GSI) đến năm 2030	Thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu thế giới
16	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40
17	Tỉ trọng vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội (%)	20 - 22
18	Tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước so với GDP (%)	18
19	Tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP (%)	5
20	Hệ số ICOR	4,5 - 4,8
21	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55
22	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030
	Trong đó: Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân (%)	*8,5 - 9,5*
23	Chi phí logistics so với GDP đến năm 2030 (%)	12 - 15
24	Tổng tích luỹ tài sản so với GDP (%)	35 - 36
25	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP (%)	61 - 62
26	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP đến năm 2030 (%)	30
27	Tỉ trọng kinh tế xanh trên GDP đến năm 2030 (%)	10
28	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp đến năm 2030 (%)	> 40
29	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân (%)	11 - 12
30	Tỉ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đến năm 2030 (%)	26,1
31	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030 (triệu doanh nghiệp)	2
32	Số doanh nghiệp lớn tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu đến năm 2030	20
33	Số đặc khu kinh tế đến năm 2030	3
34	Số khu thương mại tự do đến năm 2030	5
35	Số km đường cao tốc hoàn thành (km)	1.655
36	Số km đường sắt (km)	645
	Trong đó: số km đường sắt đô thị (km)	*200*
37	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	> 50
II	**VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI**	
38	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75,5
39	Thời gian sống khoẻ (năm)	68
40	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	< 20
41	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40
42	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030 (%)	80
43	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đến năm 2030 (%)	40
44	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030 (%)	50
45	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm
46	Số bác sĩ/vạn dân năm 2030 (người)	19
47	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	100%
48	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân
49	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,8
III	**VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**	
50	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5
51	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 (%)	100
52	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030
53	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100
54	Tỉ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh đến năm 2030 (%)	45 - 50
55	Tỉ lệ tự dùng và tổn thất điện năng đến năm 2030 (%)	≤10,7
56	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030 (%)	70 - 75
57	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	8 - 9
58	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (%)	6
59	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	42

Phụ lục II

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2026 VÀ BÌNH QUÂN GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội)

TT	Địa phương	GRDP mục tiêu 2026	GRDP mục tiêu 2026-2030
1	Thành phố Hà Nội	10 - 10,5	10,5 - 11,0
2	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	10,0
3	Thành phố Hải Phòng	13 - 13,5	13,0 - 14,0
4	Thành phố Huế	10 trở lên	10,0
5	Thành phố Đà Nẵng	11 trở lên	11,0 - 11,5
6	Thành phố Cần Thơ	10 trở lên	10,0 - 10,5
7	Lai Châu	10,0	10,0
8	Điện Biên	11,0	10,0 - 11,0
9	Sơn La	8,0	8,0 - 8,5
10	Lào Cai	10,0	10,0
11	Phú Thọ	Trên 10	10,5
12	Tuyên Quang	10,17	10,5
13	Cao Bằng	10,0	8,0 - 9,0
14	Thái Nguyên	11,0	10,5
15	Lạng Sơn	10,0	10,0 - 11,0
16	Quảng Ninh	13,0	11,0 - 12,0
17	Bắc Ninh	12,5 - 13	10,5
18	Hưng Yên	11,0 - 12,0	10,0 - 11,0
19	Ninh Bình	11,0 - 12,0	10,5 - 11,0
20	Thanh Hoá	11,0	11,0
21	Nghệ An	10,5 - 11,5	11,0 - 12,0
22	Hà Tĩnh	10,0	10,0
23	Quảng Trị	10,6	9,0 - 10,0
24	Quảng Ngãi	10,0	9,0 - 9,5
25	Gia Lai	8,0	10,0 - 10,5
26	Đắk Lắk	9,08	11,0 - 11,5
27	Khánh Hoà	10,08	11,0 - 12,0
28	Lâm Đồng	10 - 10,5	10,0 - 10,5
29	Đồng Nai	10,0	10,0
30	Tây Ninh	10,04	10,0 - 10,5
31	Đồng Tháp	8,0 - 8,5	8,5 - 9,0
32	Vĩnh Long	9,34	10,0 - 10,5
33	An Giang	10,0	9,5 - 10,0
34	Cà Mau	8,8	10,0 - 10,5

Phụ lục III

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026 ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG "2 CON SỐ"

(Kèm theo Nghị quyết số 25/2026/QH15 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội)

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
I	**Nhóm nhiệm vụ về tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng**	
1	Tổng rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam	Năm 2026
2	Xây dựng chiến lược hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới	Năm 2026
3	Sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành	Năm 2026
4	Thể chế hoá các cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương được thực tiễn chứng minh là đúng, có hiệu quả để áp dụng trên phạm vi toàn quốc	Năm 2026
5	Rà soát, đánh giá tính khả thi và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền, tháo gỡ triệt để các vướng mắc cho chính quyền địa phương 2 cấp	Quý II/2026
6	Lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất với yêu cầu tăng trưởng "2 con số"	Quý II/2026
7	Rà soát, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất	Quý II/2026
8	Số hoá và làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc	Quý II/2026
9	Hoàn thành các phương án và ban hành đầy đủ các quy định để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực; các bộ, địa phương phấn đấu hoàn thành việc xử lý trong quý III/2026	Quý III/2026
10	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo	Quý II/2026
11	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án hạ tầng	Quý II/2026
12	Thiết lập cơ chế và xây dựng tiêu chí kiểm soát tiến độ triển khai dự án sử dụng đất đô thị và công nghiệp, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; có chế tài và cơ chế tài chính xử lý đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết	Quý II/2026

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
13	Hoàn thiện pháp luật để xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng	Quý II/2026
14	Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực theo hướng thống nhất, đồng bộ, hiện đại, hài hoà với các tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp điều kiện thực tiễn	Quý II/2026
15	Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp	Quý II/2026
16	Đẩy mạnh phân cấp thủ tục hành chính, bảo đảm cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý	Quý II/2026
17	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực: (i) Về phát triển công nghiệp quốc gia, bao gồm cả công nghiệp công nghệ số, công nghiệp công nghệ thông tin (không bao gồm công nghiệp quốc phòng, an ninh). (ii) Về quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số tập trung... (iii) Về quản lý quy hoạch thăm dò, cấp phép, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản. (iv) Về quản lý hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm khởi nghiệp quốc gia. (v) Về phát triển các công nghệ chiến lược và giải mã công nghệ chiến lược	Quý III/2026
II	**Nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới**	
18	Xây dựng để triển khai Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học, công nghệ, bố trí nguồn lực, cơ chế, chính sách nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược	Quý III/2026
19	Xây dựng, phát triển hạ tầng cho công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, công nghiệp không gian vũ trụ, kinh tế tầm thấp, công nghiệp lượng tử	Quý III/2026
20	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định liên quan giá than, giá khí bảo đảm minh bạch, do thị trường quyết định, có sự quản lý của Nhà nước	Quý III/2026
21	Hoàn thành xây dựng và triển khai chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia (và một số mặt hàng thiết yếu khác)	Quý III/2026
22	Xây dựng đề án tái cấu trúc Tập đoàn Điện lực Việt Nam phù hợp với thị trường điện cạnh tranh	Quý III/2026

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
23	Triển khai xây dựng cơ chế đặc thù, đột phá và hình thành các Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia	Quý III/2026
24	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách cho phát triển điện gió ngoài khơi, LNG	Quý II/2026
25	Xây dựng, triển khai các giải pháp đột phá, đồng bộ để thu hút khách du lịch quốc tế thông qua công tác xúc tiến du lịch, thí điểm miễn thị thực dài hạn, cấp thị thực nhập cảnh nhiều lần và các chính sách khác	Quý II/2026
26	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế, chính sách, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế bạc, kinh tế đêm, kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế không gian ngầm, kinh tế không gian vũ trụ	Quý III/2026
27	Tính toán chính xác tỉ lệ che phủ rừng, diện tích đất rừng, đất lúa	Năm 2026
28	Hoàn thành nghiên cứu để đổi mới căn bản chính sách về hạn mức đất lúa theo hướng chuyển từ quy định cứng về diện tích tối thiểu sang quy định linh hoạt chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhưng phải quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi, tránh áp dụng tuỳ tiện, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia	Quý II/2026
29	Xây dựng chương trình tối đa hoá giá trị sử dụng đất nông nghiệp; hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đủ mạnh khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; phát triển thị trường phụ phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp	Quý III/2026
30	Rà soát bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ… cho các địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước năm 2026 và giai đoạn 5 năm	Tháng 4/2026
31	Thể chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế	Tháng 4/2026
32	Hoàn thiện phương án đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hoá và thoái vốn doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí	Tháng 5/2026
33	Ban hành mới Chiến lược phát triển thị trường thương mại trong nước	Năm 2026
34	Phát triển hệ sinh thái thương mại điện tử nội địa; xây dựng mới Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030	Năm 2026
35	Thiết lập cơ chế "làn xanh" cho hành lang thương mại, đầu tư ưu tiên	Năm 2026
36	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống logistics, kho ngoại quan tại các cửa khẩu, cảng biển và trung tâm tiêu thụ lớn	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
37	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật quốc gia; siết chặt kỷ cương pháp luật về chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ người tiêu dùng	Năm 2026
38	Đề xuất chương trình "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" gắn với yêu cầu nâng cấp các ngành sản xuất	Quý II/2026 và triển khai thường xuyên
39	Nghiên cứu phương án mở rộng đầu tư khai thác bô-xít và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển trung tâm công nghiệp bô xít - alumin - nhôm quốc gia	Năm 2026
III	**Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn**	
40	Xây dựng và triển khai đề án tiếp tục hiện đại hoá hệ thống ngân hàng, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hoàn thành xây dựng Đề án trong quý II/2026
41	Xây dựng và triển khai Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng ở mức cao, liên tục đến năm 2045	Hoàn thành xây dựng Đề án trong quý II/2026
42	Hoàn thiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp FDI sử dụng nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận chưa chuyển về nước để đầu tư tại Việt Nam; thu hút FDI gắn với chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực	Quý III/2026
43	Ban hành chính sách vượt trội thu hút các quỹ đầu tư quốc tế và phát triển đa dạng các loại hình quỹ đầu tư	Quý II/2026
44	Phát triển tín chỉ các bon và tài sản kỹ thuật số	Quý II/2026
45	Tập trung đánh giá, tái cơ cấu toàn diện mô hình hoạt động của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tiến tới thành lập Quỹ đầu tư quốc gia	Quý II/2026
IV	**Nhóm nhiệm vụ về tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ trực tiếp các hoạt động của nền kinh tế gắn với yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng**	
46	Rà soát và hoàn thiện Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo hướng tinh gọn, tập trung vào những lĩnh vực có ý nghĩa quyết định đối với phát triển đất nước cả trước mắt và lâu dài	Tháng 4/2026
47	Thiết lập cơ chế chỉ đạo và điều phối thống nhất ở cấp Chính phủ để tổ chức triển khai các chương trình phát triển công nghệ chiến lược	Tháng 4/2026

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
48	Hướng dẫn về tiêu chí, quy trình đối với việc đầu tư, chi ngân sách cho các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tháng 4/2026
49	Hoàn thành việc rà soát, hoàn thiện cơ chế tài chính, kinh phí cho phát triển công nghệ chiến lược, trọng tâm là các cơ chế đặc thù gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, cơ chế ưu đãi về thuế, tín dụng, hỗ trợ lãi suất, đồng tài trợ công - tư, cơ chế sử dụng NSNN đặt hàng mua sắm	Tháng 5/2026
50	Ban hành các văn bản triển khai các luật, nghị quyết liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Quý II/2026
51	Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, nhất là nông nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ	Quý II/2026
52	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu các bộ, ngành, địa phương kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, có cơ chế chia sẻ dữ liệu khu vực công cho khu vực tư	Quý II/2026
53	Xây dựng và vận hành thị trường dữ liệu; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong các ngành, lĩnh vực	Quý II/2026
54	Tăng tỉ trọng chi phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ lõi trong tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Quý II/2026
55	Ban hành bộ tiêu chuẩn về công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và sản phẩm công nghệ chiến lược	Quý II/2026
56	Chuyển trọng tâm chính sách hỗ trợ doanh nghiệp từ đầu vào sang hỗ trợ theo kết quả đầu ra; tiếp tục rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội về thủ tục, điều kiện kinh doanh, thuế (nhất là thuế đối với các sản phẩm được thương mại hoá), chi phí thuê đất,... đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Quý II/2026
57	Tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổng hợp, chuyển đến	Quý II/2026
58	Xây dựng Chiến lược Chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX)	Quý III/2026
59	Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia và trung tâm tính toán; bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình	Quý III/2026
V	**Nhóm nhiệm vụ về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam**	

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
60	Xây dựng Đề án phát triển 5 - 10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hoá	Quý II/2026
61	Đề án phát triển thương hiệu quốc gia về du lịch trên nền tảng văn hoá trong kỷ nguyên mới	Quý II/2026
62	Bộ Chỉ số văn hoá quốc gia; Bộ chỉ số thống kê đóng góp của các ngành công nghiệp văn hoá đối với phát triển kinh tế	Quý II/2026
63	Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hoá, nghệ thuật trong hệ thống dữ liệu các bộ, ngành	Quý II/2026
64	Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan về chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ về thuế, đất đai, đấu thầu, dữ liệu, cơ chế tài chính, cơ chế khuyến khích sáng tạo trong các luật chuyên ngành để tạo điều kiện huy động tối đa nguồn lực cho phát triển văn hoá	Quý III/2026
65	Xây dựng Đề án "Văn hoá trong tuân thủ luật pháp", Đề án "Phát triển thương hiệu quốc gia về du lịch trên nền tảng văn hoá trong kỷ nguyên mới", Kế hoạch đẩy mạnh nâng cao hội nhập quốc tế về văn hoá Việt Nam	Quý III/2026
66	Tái cấu trúc sản phẩm, dịch vụ du lịch dựa trên bản sắc văn hoá của vùng, miền, địa phương gắn với thị hiếu của du khách, đồng bộ với quảng bá, xúc tiến chuyên biệt tại các thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam	Quý III/2026
67	Xây dựng Đề án "Định giá kinh tế di sản, Đề án khai thác, phát huy tài sản văn hoá số	Quý IV/2026
VI	**Nhóm nhiệm vụ về xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới**	
68	Xây dựng chương trình thu hút giảng viên xuất sắc từ nước ngoài với các ưu đãi vượt trội.	Hoàn thành xây dựng chương trình trong quý II/2026
69	Chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề; triển khai đào tạo, tái đào tạo quy mô cấp quốc gia nguồn nhân lực trong các lĩnh vực ưu tiên, chiến lược	Hoàn thành xây dựng chương trình trong quý II/2026
70	Rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; khuyến khích hình thành nhóm các chuyên gia đầu ngành, nhóm nghiên cứu mạnh và tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, chương trình công nghệ trọng điểm và hợp tác quốc tế	Quý II/2026
71	Xây dựng các quy định để nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục	Quý III/2026

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
72	Xây dựng Đề án triển khai, đánh giá và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng mới, kỹ năng tương lai, bảo đảm phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn	Quý III/2026
73	Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp từ NSNN; chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề	Năm 2026
74	Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp	Năm 2026
VII	**Nhóm nhiệm vụ về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng**	
75	Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu	Năm 2026
76	Xây dựng hạ tầng trọng yếu cho phát triển kinh tế không gian tầm thấp	Năm 2026
77	Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội	Năm 2026
78	Phân vùng chức năng khu vực biển cho hàng hải, cảng biển, năng lượng ngoài khơi, thuỷ sản, nuôi biển, du lịch, dịch vụ, bảo tồn biển…	Năm 2026
VIII	**Nhóm nhiệm vụ về quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống nhân dân**	
79	Xây dựng Đề án phát triển nền kinh tế bạc; chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hoá dân số nhanh. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, sổ sức khoẻ điện tử của người dân	Năm 2026
80	Tổ chức phối hợp giữa các hoạt động khám sức khoẻ định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khoẻ của học sinh, sinh viên, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khoẻ cho người lao động theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khoẻ điện tử cho toàn bộ người dân	Năm 2026
IX	**Nhóm nhiệm vụ về quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu**	
81	Hoàn thiện pháp luật về quản lý đất hiếm; xây dựng Chiến lược quốc gia về đất hiếm	Quý II/2026
82	Xử lý dứt điểm các dự án khoáng sản do Nhà nước đầu tư chậm tiến độ để sớm khởi công thực hiện ngay trong năm 2026	Quý III/2026

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành
83	Tái cơ cấu ngành khai khoáng, thúc đẩy hình thành và phát triển doanh nghiệp khai khoáng có quy mô lớn	Năm 2026 và nhiệm vụ thường xuyên
X	**Nhóm nhiệm vụ về củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**	
84	Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp quốc phòng, an ninh tích cực tham gia xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia	Năm 2026
85	Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm, thiết bị ra nước ngoài	Năm 2026
86	Thể chế hoá chủ trương thúc đẩy hợp tác công nghiệp quốc phòng và công nghiệp dân sinh	Năm 2026
87	Nghiên cứu khoa học - công nghệ theo hướng lưỡng dụng; khai thác hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo dùng chung	Năm 2026
88	Xây dựng cơ chế đặc thù về cảng biển, công trình lưỡng dụng dùng chung	Quý III/2026
XI	**Nhóm nhiệm vụ về thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại**	
89	Xây dựng các chương trình, đề án đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, ngoại giao khoa học, công nghệ với các đối tác quan trọng, nhất là quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược, các định chế, doanh nghiệp quốc tế quy mô lớn	Quý III/2026
90	Tăng cường năng lực phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Quý III/2026
XII	**Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn**	
91	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm	Năm 2026
92	Các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao hoàn thành hướng dẫn thực hiện phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định	Tháng 4/2026